

Số: /HD-STTTT

Tây Ninh, ngày tháng 7 năm 2023

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh;

Thực hiện Kế hoạch số 792/KH-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh,

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị trong xây dựng đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

#### I. Đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh

##### 1. Tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị: Có 5 chỉ tiêu cụ thể thực hiện như sau:

a. **Chỉ tiêu 1.** Xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh và hệ thống truyền thanh và loa truyền thanh thông minh đến các tổ dân phố.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:*

- Có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động thường xuyên.

- 100% khu dân cư có loa truyền thanh hoạt động thường xuyên.

*Hệ thống loa hoạt động thường xuyên:* Đảm bảo việc tiếp sóng, phát lại các chương trình thời sự và các chương trình khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; các chương trình phát thanh cấp huyện, cấp xã.

- 100% tổ dân phố được nghe các chương trình phát thanh trên đài phát thanh của xã, phường, thị trấn.

- Đối với đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin tại Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng

dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

**b. Chỉ tiêu 2.** Xã, phường, thị trấn được trang bị sử dụng công nghệ viễn thông, internet nội dung về phường, xã, thị trấn có mạng nội bộ (LAN) bảo đảm an toàn an ninh mạng; cán bộ, công chức phường, thị trấn được trang bị máy tính và có kết nối Internet băng rộng.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện như sau:*

- 100% các xã, phường, thị trấn phủ sóng mạng 4G/5G.
- Có kết nối cáp quang internet băng rộng.
- Có mạng nội bộ (LAN) được trang bị các thiết bị, phần mềm đảm bảo an toàn an ninh thông tin.
- 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính kết nối Internet phục vụ làm việc.

**c. Chỉ tiêu 3.** Xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành bằng các nội dung cụ thể hơn về ứng dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng các phần mềm dùng chung và ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành tại xã, phường, thị trấn.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng điều kiện như sau:*

- Có sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 60%.
- Có sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành công việc hiệu quả. Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 100%. 100% các văn bản đi được ký số (trừ văn bản mật).
- Có ứng dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh (*thư điện tử công vụ tỉnh TÂY NINH, hộp không giấy, Tây Ninh Smart, Cổng thông tin điện tử...*); các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức...*).

**d. Chỉ tiêu 4.** Các hộ gia đình có thiết bị nghe nhìn thông minh, có thuê bao Internet băng rộng và tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động thông minh.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:*

- Xã, phường, thị trấn có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 85%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt tối thiểu 90%.
- 100% các hộ gia đình được xem một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

**đ. Chỉ tiêu 5.** Có kênh giao tiếp chính thức trên mạng xã hội của Việt Nam

(Zalo, Mocha, Lotus, Gapo,...)

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:*

- Có kênh giao tiếp của lãnh đạo xã, phường, thị trấn với trưởng các khu dân cư trên mạng xã hội của Việt Nam để thông tin trao đổi, nắm bắt, giải quyết các vướng mắc kịp thời khi có yêu cầu.

- Có kênh giao tiếp chính thức của xã, phường, thị trấn trên mạng xã hội của Việt Nam để cung cấp thông tin, quảng bá, giao tiếp với các tổ chức, công dân.

## **2. Hồ sơ thẩm định và tài liệu kiểm chứng:**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị của UBND huyện, thị xã, thành phố (Phụ lục 01).

- Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã; Quyết định bổ nhiệm Trưởng đài, Phó Trưởng đài.

- Quyết định thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử, phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập (nếu có).

- Các tài liệu khác có liên quan.

## **II. Đánh giá tiêu chí huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh**

### **1. Chỉ tiêu 1. Hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông.**

Có mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng kết nối với các phòng chuyên môn và các xã, phường, thị trấn trực thuộc được bảo đảm an toàn an ninh mạng; tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính và có kết nối Internet băng rộng.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:*

- Huyện, thị xã, thành phố có mạng nội bộ (LAN) được trang bị các thiết bị, phần mềm đảm bảo an toàn an ninh thông tin (tường lửa, phần mềm diệt virus).

- Có mạng diện rộng (WAN) hoặc mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối tới các phòng chuyên môn, các xã, phường, thị trấn trực thuộc được trang bị các thiết bị an toàn an ninh mạng.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính và kết nối Internet băng rộng đạt tối thiểu 100%.

**2. Chỉ tiêu 2.** Ứng dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng các phần mềm dùng chung và ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành.

*Chỉ tiêu đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:*

- Có sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết

TTHC đạt trên 60%.

- Có sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành công việc hiệu quả. Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 100%. 100% các văn bản đi được ký số (trừ văn bản mật).

**3.** Có ứng dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh (*thư điện tử công vụ tỉnh TÂY NINH, hộp không giấy, Tây Ninh Smart, Cổng thông tin điện tử...*); các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức...*).

**4. Chỉ tiêu 3.** Cổng thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.

Cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**5. Hồ sơ thẩm định và tài liệu kiểm chứng:**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND huyện, thị xã, thành phố.
- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị của UBND huyện, thị xã, thành phố (Phụ lục 02).
- Quyết định thành lập Ban biên tập cổng thông tin điện tử; phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập; Quy chế hoạt động của Ban biên tập.
- Các tài liệu khác có liên quan.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 05 thông tin, truyền thông đô thị trong Bộ tiêu chí xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh, trao đổi với Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn, giải đáp.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở VH TT & DL;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- BGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng VH TT các huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm VH TTTT các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, PTTBCXB.

**PHỤ LỤC 01****Mẫu báo cáo tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
.....( huyện, thị xã, thành phố)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh**

*Căn cứ Hướng dẫn số /HD-STTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;*

*UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh đối với xã/phường/thị trấn ..... năm ..... cụ thể như sau:*

**I. Kết quả thực hiện tiêu chí**

**1. Chỉ tiêu 1.** Xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh và hệ thống truyền thanh và loa truyền thanh thông minh đến các tổ dân phố.

- Xã/phường/thị trấn có ..... (ghi số lượng đài) đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, được xây dựng từ năm ... (năm nào?).

- Chứng nhận đảm bảo an toàn an ninh thông tin số .....ngày ...../...../.....có hiệu lực đến ngày ...../...../.....

- Quy chế hoạt động của Đài được ban hành tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày ...../...../..... của UBND.....

- Số nhân sự phụ trách quản lý, vận hành đài : có .... người.

- Tình trạng vận hành, hoạt động của đài .... (hoạt động tốt/bình thường/xuống cấp, hư hỏng gì?).

- Đối với cụm loa khu dân cư:

+ Xã có .... (ghi số lượng khu). Số khu có cụm loa truyền thanh là .... (ghi số lượng thôn).

+ Tình hình hoạt động: (Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

(Có Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã; Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó đài; phân công nhiệm vụ)

**2. Chỉ tiêu 2.** Phường, thị trấn được trang bị sử dụng công nghệ viễn thông, Internet bằng các nội dung về phường, thị trấn có mạng nội bộ (LAN) bảo đảm an toàn an ninh mạng; cán bộ, công chức phường, thị trấn được trang bị máy tính và có kết nối Internet băng rộng.

Đánh giá hiện trạng hạ tầng mạng tại đơn vị.....

- Số cán bộ công chức được trang bị máy vi tính/tổng số cán bộ, công chức của xã: .....

- Thống kê số lượng thiết bị bảo mật, phần mềm diệt virus được trang bị, cài đặt .....

- Số lượng đường truyền Internet được trang bị ..... Số máy tính được kết nối mạng Internet.

**3. Chỉ tiêu 3.** Xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành bằng các nội dung cụ thể hơn về ứng dụng hệ thống một cửa điện tử, sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng các phần mềm dùng chung và ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành tại xã, phường, thị trấn.

- Thống kê số liệu trong năm thực hiện trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Số lượng hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ giải quyết. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt bao nhiêu %.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc: Tổng số văn bản, đi đến trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Số văn bản được ký số thông qua hệ thống văn bản quản lý điều hành. Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt bao nhiêu %?. Các văn bản đi được ký số (trừ văn bản mật) đạt bao nhiêu %?.

+ Đánh giá việc sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh (*thư điện tử công vụ tỉnh TÂY NINH, hộp không giấy, Tây Ninh Smart, Cổng thông tin điện tử...*); các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức.*); tình hình cập nhật, ứng dụng số liệu về dân cư trong quản lý tại xã/phường/thị trấn.

**4. Chỉ tiêu 4.** Các hộ gia đình có thiết bị nghe nhìn thông minh, có thuê bao Internet băng rộng và tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động thông minh.

- Xã, phường, thị trấn có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng số dân của xã: ...../..... Đạt bao nhiêu %?

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng/tổng số dân của xã: ...../..... đạt bao nhiêu %?

- Tỷ lệ các hộ gia đình được xem một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet đạt bao nhiêu %?

**5. Chỉ tiêu 5.** Có kênh giao tiếp chính thức trên mạng xã hội của Việt Nam (Zalo, Mocha, Lotus, Gapo,.. ).

Có sử dụng kênh giao tiếp của lãnh đạo xã, phường, thị trấn với trường các khu dân cư trên mạng xã hội của Việt Nam để thông tin trao đổi, nắm bắt, giải quyết các vướng mắc kịp thời khi có yêu cầu không? Đánh giá hiệu quả khi sử dụng ứng dụng?

Có sử dụng kênh giao tiếp chính thức của xã, phường, thị trấn trên mạng xã hội của Việt Nam để cung cấp thông tin, quảng bá, giao tiếp với các tổ chức, công dân không? Đánh giá hiệu quả khi sử dụng ứng dụng?

**II. Những khó khăn vướng mắc:** Đánh giá khó khăn vướng mắc khi thực hiện các chỉ tiêu .

### **III. Tự đánh giá**

Xã/Phường/Thị trấn .....(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí) tiêu chí số 5. Thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

**Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 01**

**Hiện trạng hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn xã, phường, thị trấn....**

<b>STT</b>	<b>Tên khu</b>	<b>Tổng số cụm loa</b>	<b>Số cụm loa hoạt động bình thường</b>	<b>Số cụm loa hoạt động kém</b>	<b>Số cụm loa hỏng</b>	<b>Công nghệ (ứng dụng CNTT-VT)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	khu A						
2	khu B						
3	.....						
....							
n							
<b>Tổng cộng:</b>							



**PHỤ LỤC 02****Mẫu báo cáo thẩm định tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
 .....( huyện, thị xã, thành phố )

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh**

*Căn cứ Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn Thực hiện tiêu chí thông tin, truyền thông đô thị trong xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;*

*UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh ..... năm ..... cụ thể như sau:*

**I. Kết quả thực hiện tiêu chí****1. Chỉ tiêu 1. Hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông**

Có mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng kết nối với các phòng chuyên môn và các xã, phường, thị trấn trực thuộc được bảo đảm an toàn an ninh mạng; tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính và có kết nối Internet băng rộng.

- Thống kê số lượng phòng/ban....., số lượng cán bộ công chức được trang bị máy tính có kết nối Internet..... đạt tỷ lệ bao nhiêu %?

- Thống kê số lượng thiết bị đảm bảo an toàn an ninh thông tin (tường lửa..... phần mềm diệt virus..... máy tính .....

- Có mạng diện rộng (WAN) hoặc mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối tới các phòng chuyên môn, các xã phường, thị trấn trực thuộc được trang bị các thiết bị an toàn an ninh mạng nào .....

- Số lượng cán bộ quản trị hệ thống mạng tại cơ quan ..... Trình độ chuyên môn.....

**2. Chỉ tiêu 2. Ứng dụng hệ thống một cửa điện tử, sử dụng các phần mềm dùng chung và ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành**

- Thống kê số liệu (trong năm) thực hiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính: Số lượng hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ giải quyết. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt bao nhiêu %?.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc: Tổng số văn bản, đi đến trên hệ thống văn bản điều hành. Số văn bản được ký số thông qua hệ thống văn bản quản lý điều hành. Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt bao nhiêu %?. Các văn bản đi được ký số (trừ văn bản mật) đạt bao nhiêu %?.

- Đánh giá việc sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh (*thư điện tử công vụ tỉnh TÂY NINH, hộp không giấy, Tây Ninh Smart, Cổng thông tin điện tử...*); các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức...*); Tình hình cập nhật, ứng dụng số liệu về dân cư trong quản lý tại xã/phường/thị trấn.

- Đánh giá về hiệu quả trong việc ứng dụng các hệ thống nêu trên; các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### **3. Chỉ tiêu 3. Cổng thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định**

Đánh giá việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**II. Những khó khăn vướng mắc:** Đánh giá khó khăn vướng mắc khi thực hiện các chỉ tiêu .

### **III. Tự đánh giá**

Huyện/Thị xã/Thành phố .....(*đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí*) tiêu chí số 05. Thông tin, truyền thông đô thị trong bộ tiêu chí xét công nhận thành phố, thị xã đạt chuẩn đô thị văn minh.

**Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)